TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 23

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số «Chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi mốt» viết là:

A. 9 998 021 **B.** 9 998 421 **C.** 10 098 421 **D.** 99 980 421

Câu 2. Làm tròn số 2 333 410 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 2 300 000 **B.** 2 330 000 **C.** 2 400 000 **D.** 2 000 000

Câu 3. Giá trị của biểu thức a + b × 3 với a = 5556, b = 814 là:

A. 19 110 **B.** 6373 **C.** 8008 **D.** 7998

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện: 6106 + 5984 + 1016 = ……

A. 13 006 **B.** 14 106 **C.** 13 106 **D.** 13 116

Câu 5. Năm 1182 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XII **B.** thế kỉ X **C.** thế kỉ XIII **D.** thế kỉ XI

Câu 6. Góc có số đo 180° là:

A. góc tù **B.** góc bẹt **C.** góc vuông **D.** góc nhọn

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 196 043, 106 943, 116 943, 206 943, 106 934.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 4386 + 859 + 141 = ……

b) 3758 + 4509 − 758 = ……

c) 825 + 7330 + 75 = ……

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 3 với a = 1825, b = 401: ……

b) m − n + p với m = 21 562, n = 17 944, p = 2383: ……

c) (x + 1936) × 2 với x = 600: ……

Bài 4. Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 31 cm, cạnh BC = 24 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: …… cm

b) Cạnh DC dài: …… cm

c) Cạnh AD dài: …… cm

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Góc bẹt bằng hai góc vuông	
b) 1 phút = 100 giây	
c) Năm 1452 thuộc thế kỉ XIV	
d) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song	

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1450 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 330 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Ngày thứ ba bán được: …… kg

c) Cả ba ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 23

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	D	C	A	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 106 934, 106 943, 116 943, 196 043, 206 943

b) 206 943 − 106 934 = 100 009

Bài 2.

a) 4386 + (859 + 141) = 4386 + 1 000 = 5386

b) (3758 − 758) + 4509 = 3000 + 4509 = 7509

c) (825 + 75) + 7330 = 900 + 7330 = 8230

Bài 3.

a) 1825 + 401 × 3 = 1825 + 1203 = 3028

b) 21 562 − 17 944 + 2383 = 3618 + 2383 = 6001

c) (600 + 1936) × 2 = 2536 × 2 = 5072

Bài 4.

a) (31 + 24) × 2 = 110 (cm)

b) DC = AB = 31 cm

c) AD = BC = 24 cm

Bài 5.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Bài 6.

Ngày thứ hai: 1450 × 2 = 2900 (kg)

Ngày thứ ba: 2900 − 330 = 2570 (kg)

Cả ba ngày: 1450 + 2900 + 2570 = 6920 (kg)